

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 10-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị An

Ông Ngô Đăng Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN ĐÌNH T (TỨC K)**, sinh năm 197x; Nơi cư trú: Khu Đ, thôn D, xã V, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình T (đã chết) và bà: Đặng Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị T; Có 02 con, con lớn sinh năm 200x, con nhỏ sinh năm 200x;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 22-11-1989: Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Chống người thi hành công vụ (đã xóa án tích).

- Ngày 30-5-1991: Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; Tổng hợp hình phạt với bản án năm 1989 là 36 tháng tù (đã xóa án tích).

- Ngày 21-10-2014: Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 08 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản, ra trại ngày 17-8-2015 (đã xóa án tích).

- Ngày 23-6-1999, Công an huyện Đ xử lý hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

- Ngày 23-8-1999, Công an huyện Đ đưa vào trường phổ thông công nông nghiệp.

- Ngày 20-02-2002, Công an huyện Đ đưa đi Cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng.

- Ngày 20-6-2011, Công an huyện Đ đưa đi Cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-10-2017 đến ngày 01-12-2017 hủy bỏ biện pháp tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Bị hại:*

Anh Phạm Thế S, sinh năm 198x; Cư trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, Thành phố H - Vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Công Đ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 06-10-2017, Nguyễn Đình T điều khiển xe máy hiệu WAYMAN sơn màu xanh, BKS: 29P2-2127 chở Nguyễn Văn N (sinh năm 197x; Trú tại: xóm T, xã U, huyện Đ, Thành phố H) đến Bệnh Viện Đa khoa ĐA, địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố H để thăm ông Nguyễn Đình H (sinh năm 194x; Trú tại: Thôn D, xã V, huyện Đ, Thành phố H) là chú ruột T đang nằm điều trị bệnh tại tầng 5 của Bệnh viện. T và N để xe máy ngoài cổng rồi đi bộ vào trong Bệnh viện. Trên đường đi, T phát hiện chiếc xe máy Honda Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573 của anh Phạm Thế S (sinh năm: 198x; Trú tại: Thôn G, xã V, huyện Đ, Thành phố H) dựng tại sân Bệnh viện (cách cổng Bệnh viện khoảng 15m), chìa khoá vẫn cắm tại ổ khoá, không thấy có người quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy. Sau khi đến sảnh Bệnh viện chờ đến giờ thăm gặp bệnh nhân, T quay lại vị trí chiếc xe máy BKS: 29K4-8573, rút chìa khoá xe máy, cất vào túi quần rồi trở lại sảnh Bệnh viện. T đưa chìa khoá xe máy của mình cho N nhờ đi về hộ, sau đó T lén lút đến vị trí xe máy Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573, dùng chìa khoá đã lấy được mở khoá điện, nổ máy đi khoảng 10m đến cổng Bệnh viện thì bị anh Phạm Thế S cùng lực lượng Công an Thị trấn Đ đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T khai nhận toàn bộ hành phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Vật chứng tạm giữ:

Của Nguyễn Đình T: 01 xe máy Honda Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573, SM: 0031991, SK: 0031991.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 528/HĐĐGTS ngày 20-10-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đ kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu

Honda Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573, SM: 0031991, SK: 0031991 của anh Phạm Thế S bị chiếm đoạt trị giá: 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Đình T có dấu hiệu bị bệnh tâm thần. Ngày 02-11-2017, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương để xác định: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đình T có bị bệnh tâm thần không? Khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của Nguyễn Đình T? Nếu Nguyễn Đình T bị bệnh tâm thần thì có bắt buộc phải đưa đi chữa bệnh hay không? Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 04/KLGĐ ngày 02-01-2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Nguyễn Đình T có Hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Đình T có hội chứng nghiện rượu, hiện đang cai trong môi trường được bảo vệ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.21. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Bị can không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Do vậy, Nguyễn Đình T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Trộm cắp tài sản của mình.

Đối với Nguyễn Văn N, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định N đồng phạm trộm cắp tài sản với T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu xanh, BKS: 29K4-8573, SM: 0031991, SK: 0031991: Giấy đăng ký mang tên anh Bùi Quang B (sinh năm 1980; Trú tại: Tập thể X, thị trấn S, huyện G, Thành phố H). Kết quả điều tra xác định chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của anh Phạm Thế S. Ngày 27-11-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh S chiếc xe máy trên. Sau khi nhận lại tài sản, anh S không yêu cầu bồi thường về dân sự và đề nghị Cơ quan điều tra xử lý nghiêm Nguyễn Đình T theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-ĐA ngày 07-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình T thành khẩn khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s

khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T mức án từ 10 đến 12 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Người bào chữa cho bị cáo sau khi tóm tắt nội dung vụ án xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi trộm cắp có tính bột phát, nhận thức chậm và xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại là anh Phạm Thế S, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cùng Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Biên bản kết luận pháp y tâm thần, Biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06-10-2017, bị cáo Nguyễn Đình T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573, SM: 0031991, SK: 0031991. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 29K4-8573 có trị giá là 5.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định hình phạt nhẹ hơn so với tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại

khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

Nội dung điều luật quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo Nguyễn Đình T có Hội chứng nghiện rượu, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.2. Kết luận giám định pháp y tâm thần của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Đình T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Tại thời điểm giám định Nguyễn Đình T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi và không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Do vậy, Nguyễn Đình T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Trộm cắp tài sản của mình. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; Bị cáo có nhiều tiền án, tiền sự đã được xóa nên được xác định là có nhân thân xấu.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất đơn giản, giá trị tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, bị đưa ra xét xử và xử lý hành chính, do vậy, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản nói riêng và các tội phạm khác nói chung

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với anh Nguyễn Văn N, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định N đồng phạm trộm cắp tài sản với T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về dân sự: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu xanh, BKS: 29K4-8573, SM: 0031991, SK: 0031991 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Thế

S. Ngày 27-11-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Sản chiếc xe máy trên là có căn cứ. Sau khi nhận lại tài sản, anh Sản không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không giải quyết về dân sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T (tức K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội;

Căn cứ vào: Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T (tức K) 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ vào thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-10-2017 đến ngày 01-12-2017.

Bị cáo Nguyễn Đình T (tức K) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**